

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 02-12-2025
“V/v: Ly hôn, tranh nuôi con chung
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Phi Yên

Ông Ngô Hà Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lâm Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Lương Quốc Phòng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2025/HNGĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

Do Bản án sơ thẩm số: 20/2025/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2025/ QĐ-TA ngày 21 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh ngày 28/01/1977; Căn cước công dân số: 049177008797. Địa chỉ: G T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T1, sinh ngày 02/9/1970; Căn cước công dân số: 049070011517. Nơi cư trú: khối phố P, phường Q, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thành T1 - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:* Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Thành T1 kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường Q) vào ngày 24/04/2014. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau phần ai người nấy sống. Tình trạng hôn nhân như vậy đã kéo dài 05 năm. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành T1.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Thành T1 có với nhau 01 con chung tên là Nguyễn Trần Bảo T2, sinh ngày 07/3/2016. Sau khi ly hôn bà T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trần Bảo T2 và không yêu cầu ông T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Thành T1 trình bày:* Ông và bà Trần Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường Q, Đà Nẵng) vào ngày 24/4/2014. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại phường A. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau vui vẻ và có 01 con chung vào năm 2016. Đến khoảng năm 2024 ông phát hiện vợ ông ngoại tình nên vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, bà T dọn ra ở riêng, vợ chồng không còn quan tâm gì nhau. Cuối năm 2024, ông có nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng qua hoà giải ông nhận thấy cần hàn gắn tình cảm để chăm sóc con chung còn nhỏ nên đã rút đơn yêu cầu giải quyết ly hôn. Nay, bà Trần Thị T gửi đơn yêu cầu ly hôn ông thống nhất ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Bảo T2, sinh ngày 07/3/2016, sau khi ly hôn ông đề nghị Tòa án xem xét giao con cho ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng chứ không đồng ý giao cho bà T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung như trên, Bản án số 20/2025/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 5, thành phố Đà Nẵng thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ: Các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về “*quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trần Thị T đối với ông Nguyễn Thành T1 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị T được ly hôn ông Nguyễn Thành T1

1.2. Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Trần Bảo T2, sinh ngày 07/3/2016 cho bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Thành T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con

1.3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0001981 ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5- Đà Nẵng). Bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/7/2025, bị đơn ông Nguyễn Thành T1 có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc sửa một phần bản án của Tòa án nhân dân khu vực 5, giao con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành T1, giữ nguyên

Bản án sơ thẩm số: 20/2025/HNGĐ-ST ngày 28/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, thành phố Đà Nẵng. Các bên đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 28/7/2025, bị đơn ông Nguyễn Thành T1 nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời gian luật định, xét thấy đơn kháng cáo hợp lệ theo quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được HĐXX chấp nhận xem xét kháng cáo.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thành T1 về việc được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Trần Bảo T2 là hoàn toàn chính đáng, thể hiện trách nhiệm của người cha. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho con chung. Xét thấy, từ khi ông T1, bà T sống ly thân đến nay, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bản thân bà T cũng có thu nhập ổn định và cháu T2 có nguyện vọng được ở với bà T, nên cấp sơ thẩm đã quyết định giao cháu T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Thiết nghĩ không cần thiết phải làm xáo trộn cuộc sống của con chung. Vì vậy cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T1, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông T1 không được cấp phúc thẩm chấp nhận, nên ông T1 phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành T1.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 20/2025/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, thành phố Đà Nẵng.

Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Trần Bảo T2, sinh ngày 07/3/2016 cho bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Thành T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con

3. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Thành T1 phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng ông T1 đã nộp theo biên lai số 0001597 ngày 07 tháng 8 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Thành T1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự Tp. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân khu vực 5;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng

